TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 183/2017/QĐST-HNGĐ	*Thới Bình, ngày 17 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 281/2017/TLST/HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2017, giữa:

1. N đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1976

2. Bị đơn: Bà Lý Thị T, sinh năm 1977

Cùng cư trú tại: Ấp 8, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng Chính sách xã hội

Địa chỉ: số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

3.2. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1973

Cư trú tại: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

3.3. Ông Quách Bá T, sinh năm 1983

3.4. Bà Lý Thị H, sinh năm 1953

3.5. Ông Quách Văn N (tên gọi khác là Quách Văn P), sinh năm 1982

3.6. Bà Trần Thị L, sinh năm 1978 (vợ của ông N)

3.7. Ông Lê Thanh P (tên gọi khác là Lê Thành Đ), sinh năm 1974

3.8. Bà Phạm Tuyết N, sinh năm 1976 (vợ của ông P)

3.9. Bà Trần Thị Thềm, 75 tuổi

Cùng cư trú tại: Ấp 8, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

3.10. Ông Đinh Văn G

Cư trú tại: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2017

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Huỳnh Văn T và bà Lý Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn T và bà Lý Thị T thuận tình ly hôn.

2.2. Về tài sản chung: Ông T và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Ông T và bà T thống nhất có các khoản nợ gồm:

- Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền vốn là 8.000.000 đồng theo chương trình NSVSMT, mã món vay 660000070884650, mã khách hàng 7077132111;
- Nợ vợ chồng ông N tiền hụi chết là 10.000.000 đồng;
- Nợ vợ chồng ông P tiền hụi chết là 11.000.000 đồng;
- Nợ bà H số tiền vay vốn và lãi là 10.500.000 đồng (tiền vốn 10.000.000 đồng, tiền lãi 500.000 đồng).

Các đương sự đồng ý chia đôi các khoản nợ chung. Trong đó:

- Ông T chịu trách nhiệm trực tiếp thanh toán khoản tiền nợ hụi cho vợ chồng ông P số tiền 11.000.000 đồng; khoản tiền nợ hụi của vợ chồng ông N 10.000.000 đồng; khoản vay Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền vay vốn là 8.000.000 đồng theo chương trình NSVSMT, mã món vay 660000070884650, mã khách hàng 7077132111;
- Bà T có trách nhiệm trực tiếp thanh toán cho bà H số tiền vốn và lãi là 10.500.000 đồng. Bà T có trách nhiệm thanh toán lại cho ông T khoản tiền nợ chênh lệch là 9.250.000 đồng.

Kể từ ngày ông T, vợ chồng ông P, bà H có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp, ông T không chịu thanh toán khoản tiền nêu trên cho vợ chồng ông P; bà T không chịu thanh toán khoản tiền nêu trên cho bà H và ông T, thì hàng tháng, ông T và bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

2.4. Về nợ riêng: Ông T chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ của ông T số tiền 16.000.000 đồng và thanh toán khoản nợ của ông G số tiền 15.000.000 đồng.

2.5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T đồng ý nộp 150.000 đồng.
- Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải nộp 50% án phí có giá ngạch 5%.

Ông T đồng ý nộp 275.000 đồng (án phí được tính trên số tiền ông T phải thanh toán cho vợ chồng ông P) .

Bà T đồng ý nộp 494.000 đồng (tính tròn số. Án phí được tính trên số tiền bà T phải thanh toán cho bà H và cho ông T).

Vào ngày 01 tháng 4 năm 2017, ông T nộp tạm ứng án phí 4.900.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018532 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được khấu trừ và nhận lại 4.475.000 đồng.

Bà H được nhận lại 250.000 đồng là khoản tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018723 ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình.

Ông P (tên gọi khác là Đ) và vợ là bà N được nhận lại 275.000 đồng là khoản tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018728 ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Trọng Quế